ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/KH-UBND	*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 5 năm 2019*

Người ký: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 24.05.2019 14:43:36 +07:00

KẾ HOẠCH

Thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ, có hiệu quả Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) và Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Hiệp định CPTPP được phê duyệt tại Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019.

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Hiệp định CPTPP và các văn bản quy định chi tiết thi hành Hiệp định đến các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh hiểu về tầm quan trọng và sự tác động của Hiệp định CPTPP đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác hiệu quả Hiệp định CPTPP và các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực, đồng thời tích cực chuẩn bị cho việc thực thi hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới sắp có hiệu lực trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

- Thực hiện các chủ trương, chính sách và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức triển khai thi hành Hiệp định CPTPP, phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, huyện, thị, thành phố; giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội và người dân.

- Thực hiện hiệu quả việc phổ biến thông tin chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc triển khai Hiệp định CPTPP và các Hiệp định FTA. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tận dụng tốt các cơ hội về mở rộng thị trường khi triển khai hiệp định.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

Để đạt được mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

thuộc tỉnh và các cơ quan có liên quan cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP và thị trường của các nước tham gia Hiệp định

- Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan chủ động tăng cường phổ biến Hiệp định CPTPP đến các đối tượng có liên quan như: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị, trong đó chú trọng đến các đối tượng có thể chịu tác động như nông dân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh, cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến Hiệp định CPTPP cho cán bộ, công chức và doanh nghiệp, người dân trên các phương tiện truyền thông như Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình, trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, cà phê doanh nhân, lớp tập huấn, các tờ rơi.... nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP.

- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ, công chức thuộc cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về một số lĩnh vực như: đầu tư, tài chính, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, nông nghiệp, lao động, môi trường... về các cam kết cụ thể có liên quan trong Hiệp định CPTPP để bảo đảm hiểu rõ, hiểu đúng, từ đó giúp việc triển khai và thực thi Hiệp định được đầy đủ và hiệu quả.

- Tuyên truyền sâu rộng và nâng cao nhận thức về các cơ hội và thách thức của Hiệp định CPTPP, trong đó có việc cam kết thực hiện các thỏa thuận kinh tế, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các công ước mà Việt Nam đã tham gia, phê chuẩn.

- Thực hiện có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực có lợi thế của Tỉnh, cung cấp kịp thời thông tin về thị trường xuất khẩu, để các doanh nghiệp trên địa bàn có thể kịp thời nắm bắt các thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa của các nước đối tác CPTPP nói riêng và các đối tác nói chung, cũng như dự báo được nhu cầu của thị trường trong nước và ứng phó với sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

- Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan nghiên cứu tham mưu thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam khi tham gia Hiệp định CPTPP.

- Theo dõi, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trên hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật. Đăng tải công khai, chính xác nội dung các văn bản, nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trong quá trình tìm hiểu và áp dụng vào hoạt động điều hành, sản xuất, kinh doanh.

- Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Tỉnh liên quan đến lĩnh vực đầu tư, tài chính, thương mại, lao động, khoa học - công nghệ... Kịp

thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những văn bản, nội dung không phù hợp với các quy định của Hiệp định CPTPP.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế; giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, kinh doanh tại Tỉnh.

- Nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là luật pháp quốc tế, các điều ước về thương mại quốc tế, trước hết là cho cán bộ chủ chốt các ngành và chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cán bộ làm công tác tố tụng, đội ngũ luật sư và những người trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cấp sở, ngành, địa phương (DDCI). Đồng thời nâng cao các chỉ số chất lượng quản trị và dịch vụ hành chính công (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) của các sở, ban, ngành, địa phương (Chỉ số SIPAS) để đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, hấp dẫn và thuận lợi cho các thành phần kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh đảm bảo phù hợp với lộ trình cam kết của Hiệp định CPTPP.

- Xây dựng và hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật (quy chuẩn địa phương) phù hợp với các cam kết quốc tế để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp, sản phẩm tỉnh Quảng Ninh và bảo vệ người tiêu dùng. Tăng cường sử dụng hệ thống cảnh báo sớm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu về nguy cơ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác xây dựng và quản lý quy hoạch phát triển kinh tế với tầm nhìn dài hạn và có lộ trình cụ thể. Gắn kết đồng bộ các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung ưu tiên cơ cấu lại các ngành và lĩnh vực phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, các đơn vị có liên quan trong công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp. Từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu, định hướng của các doanh nghiệp, đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện về lao động đặt ra từ phía các nhà nhập khẩu. Hỗ trợ đào tạo về công tác nghiệp vụ quản trị nhân lực, khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp... Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kỹ thuật - công nghệ, luật, tài chính. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 148/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng,

doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, nông dân, hợp tác xã phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Tổ chức các lớp tập huấn và hội thảo nhằm trao đổi kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, các hiệp định thương mại tự do, kỹ năng xúc tiến thương mại, kỹ năng nghiệp vụ xuất nhập khẩu, giới thiệu thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, kỹ năng phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm thông tin thương mại... nhằm trang bị kiến thức, năng lực công tác cho cán bộ quản lý và đội ngũ làm công tác chuyên môn về hoạt động xuất nhập khẩu, tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm giới thiệu việc làm và các phiên lưu động để tạo nguồn lao động có chất lượng, từng bước giải quyết tình trạng thiếu lao động có tay nghề tại các doanh nghiệp.

- Thông qua các hoạt động trao đổi đoàn các cấp, nhằm củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, tạo thuận lợi cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Chú trọng sự hợp tác về kinh tế, thương mại, đầu tư, lao động, khoa học - công nghệ; đàm phán, ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho tỉnh trong quan hệ hợp tác kinh tế.

- Tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị; xây dựng chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Chú trọng ứng dụng những công nghệ phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Xây dựng chính sách, chương trình làm việc, kết nối giữa doanh nghiệp và đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh với các cơ quan hữu quan trong việc tìm kiếm mở rộng thị trường, định hướng sản phẩm cũng như việc cung cấp thông tin về nhận định, cảnh báo sớm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại, nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu về nguy cơ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để chủ động xây dựng các biện pháp phòng vệ phù hợp với các quy định và cam kết quốc tế để bảo vệ sản xuất của địa phương cùng lợi ích chính đáng của doanh nghiệp.

- Tập trung cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp phải đảm bảo sự gắn kết giữa phát triển công nghiệp với thương mại, thúc đẩy công nghiệp hoá - hiện đại hóa nông nghiệp gắn sản xuất với thị trường. Đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong chế biến nâng cao giá trị sản phẩm; Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu; Áp dụng tiêu chuẩn, chất lượng quốc tế vào quá trình quản lý và sản xuất, kinh doanh hàng hóa. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, triển khai các biện pháp cải tiến, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp và các ngành nghề sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kết nối với doanh nghiệp của tỉnh, góp phần vào việc hình thành và phát triển chuỗi cung ứng. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kỹ thuật - công nghệ, luật, tài chính...

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

- Củng cố, nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của Liên đoàn Lao động tỉnh và các tổ chức công đoàn. Phối hợp, chỉ đạo công đoàn các cấp tổ chức triển khai giới thiệu về hiệp định CPTPP đến người lao động. Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên và người lao động.

- Tăng cường quản lý có hiệu quả hoạt động tại các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển để các tổ chức công đoàn và tổ chức của người lao động hoạt động thuận lợi, lành mạnh theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các nguyên tắc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), hoạt động không vì mục đích chính trị, đồng thời giữ vững ổn định chính trị-xã hội.

5. Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Thực hiện các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp; cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm... để giúp người lao động bị mất việc làm do các doanh nghiệp không đứng vững được trong quá trình cạnh tranh.

- Đánh giá những tác động của Hiệp định CPTPP đến vấn đề lao động, việc làm, xã hội... và đề xuất các giải pháp để có thể thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trên địa bàn Tỉnh.

- Thực thi đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định đa phương về môi trường, bảo tồn và bảo vệ động thực vật hoang dã mà Việt Nam đã tham gia. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Tiếp tục việc triển khai các biện pháp chống lại các hành vi đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo đúng quy định và thương mại động thực vật hoang dã bị khai thác trái phép.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 29/5/2018 của tỉnh Quảng Ninh thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh, chú trọng hơn tới phát triển chiều sâu, đặc biệt là đầu tư cho khoa học công nghệ. Tăng trưởng kinh tế gắn

với sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các vật liệu, nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường; Đẩy mạnh công tác áp dụng sản xuất sạch hơn trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn lực tài nguyên của địa phương.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Từ ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền bố trí giao trong dự toán chi thường xuyên hàng năm cho các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị; nguồn xã hội hóa của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và nguồn huy động hợp pháp khác.

- Hàng năm, cùng với công tác lập dự toán ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp dự toán của các đơn vị, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo trình tự, thủ tục quy định.

IV.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch thực hiện này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện của cơ quan, đơn vị mình *(theo nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)*.

2. Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ trước ngày **30 tháng 10 hàng năm**, gửi báo cáo cho Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện và kiến nghị các biện pháp cần thiết, bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

3. Giao Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- V0-4, TM, CN;
- Lưu: VT, TM4.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khắng

Phụ lục

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH CPTPP

(Kèm theo Kế hoạch số 122 /KH-UBND ngày 23 / 5 /2019 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	**Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP**			
1.1	- Tổ chức phổ biến về Hiệp định CPTPP tới các cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; Kết nối, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp khi tham gia các hoạt động xuất nhập khẩu tại thị trường của các nước thành viên tham gia Hiệp định. - Cung cấp các nội dung về Hiệp định CPTPP, các gương điển hình (cá nhân, tập thể) trong việc triển khai thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP cho Sở Thông tin và Truyền thông để cung cấp cho các cơ quan báo chí tuyên truyền và lan tỏa thông tin.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Năm 2019 và các năm tiếp theo
1.2	Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan báo chí của tỉnh, các báo hợp tác truyền thông, thường trú trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về Hiệp định CPTPP đến cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân	Sở Thông tin và Truyền thông		Năm 2019 và các năm tiếp theo
1.3	Xây dựng nội dung tuyên truyền, các chuyên mục, chuyên đề để giới thiệu về Hiệp định CPTPP; Hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Hiệp định CPTPP. Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề giới thiệu về Hiệp định CPTPP, định hướng dư luận xã hội tiếp cận tích cực với những thay đổi khi tham gia Hiệp định CPTPP.	Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
1.4	- Duy trì và phát triển các thương hiệu đã xây dựng; Tăng cường xây dựng, bảo hộ nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm lợi thế của địa phương nhằm nâng cao giá trị các sản phẩm đặc thù, đặc sản của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm

1.5	Tổ chức từ các chương trình truyền thông (truyền hình), và các lớp đào tạo tập huấn để nâng cao nhận thức, năng lực phát triển tài sản trí tuệ cho cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ, người sản xuất và kinh doanh sản phẩm làng nghề và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
1.6	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về lao động góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật lao động của người sử dụng và người lao động nhằm xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong các doanh nghiệp, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các cam kết, nghĩa vụ khi tham gia Hiệp định CPTPP. Tăng cường công tác truyền thông bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh về Hiệp định CPTPP	Sở Lao động Thương binh & Xã hội	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
1.7	Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ về các quy định và cam kết của Hiệp định CPTPP theo từng chuyên ngành, lĩnh vực cụ thể như: đầu tư, dịch vụ, hải quan, sở hữu trí tuệ, phòng vệ thương mại, lao động... về các cam kết cụ thể có liên quan trong Hiệp định CPTPP	Sở Nội vụ, Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
2.	Công tác xây dựng pháp luật, thể chế			
2.1	Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình tham mưu HĐND và UBND tỉnh ban hành có liên quan đến Hiệp định CPTPP; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo phù hợp với Hiệp định CPTPP.	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Sở Tư pháp	Hàng năm
2.2	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Quy định về quản lý đầu tư các dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách trên địa bàn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Năm 2019
3	Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực			

3.1	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp thuộc chương trình, kế hoạch, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp đã được ban hành.Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chỉ số PCI, trọng tâm trong các lĩnh vực: quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư.	Sở Kế hoạch & Đầu tư; Ban Xúc tiến và Hỗi trợ đầu tư	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
3.2	Theo dõi, giám sát thị trường tiền tệ, ngoại hối, đảm bảo hoạt động ngân hàng trên địa bàn an toàn, thông suốt; Chỉ đạo các TCTD trên địa bàn đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, có khả năng đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng. Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp, kết nối cung – cầu, hỗ trợ giải quyết vốn cho sản xuất kinh doanh.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quanvị	Hàng năm
3.3	Tập trung khuyến khích hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp; Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; Kịp thời tháo dỡ khó khăn, vướng mắc, xóa bỏ rào cản, phát triển mạnh doanh nghiệp theo Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ. Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	Sở Kế hoạch & Đầu tư; Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quanvị	Hàng năm
3.4	- Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Trong đó chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, chế biến nông sản hàng hóa, tạo giá trị gia tăng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường và xuất khẩu. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo mô hình sản xuất tiên tiến, ứng dụng khoa học - công nghệ, an toàn, thân thiện với môi trường - Nghiên cứu, xây dựng mô hình sản xuất và các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp. Xây dựng vùng sản xuất, hỗ trợ thành lập các tổ chức nông dân tập thể đăng ký và quản lý thương hiệu địa phương;	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm

	hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng thương hiệu quốc gia, thương hiệu vùng, địa phương trong đầu tư cơ sở vật chất bảo quản, chế biến, liên kết chuỗi giá trị sản phẩm mang lại thương hiệu Việt Nam. Thực hiện giám sát an toàn thực phẩm, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh, xây dựng vùng sản xuất nông sản xuất khẩu.			
3.5	- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu; Xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng, truy suất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ.... - Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu các sản phẩm lợi thế của tỉnh; Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý về thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của Hiệp định CPTPP.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
3.6	Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm đối tác, đẩy mạnh cơ hội hợp tác, xuất khẩu. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư theo lĩnh vực cần thu hút cụ thể; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối giao thương từ các nước tham gia Hiệp định CPTPP, tận dụng các ưu đãi, lợi thế từ Hiệp định đối với doanh nghiệp Việt Nam;	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư; Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
3.7	Tuyên truyền nâng cao năng lực của các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo trong việc gắn kết đào tạo cho người lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
3.8	Hợp tác phát triển du lịch, xây dựng các điểm đến, hỗ trợ triển khai, trao đổi kinh nghiệm trong phát triển du lịch thông minh nhằm nâng cao lượng khách du lịch, chất lượng dịch vụ giữa các quốc gia tham gia Hiệp định CPTPP.	Sở Du lịch	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp			
4.1	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Năm 2019-2020

4.2	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về lao động; hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tại doanh nghiệp, các thiết chế hòa giải, trọng tài lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
4.3	Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền; công tác bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người lao động trong thời kỳ hội nhập sâu rộng như hiện nay.	Liên đoàn lao động tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
5	Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững			
5.1	Tiếp tục triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 với những nội dung như: phòng ngừa và kiểm soát nguồn ô nhiễm môi trường; khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.	Sở Tài nguyên & Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Năm 2019-2020
5.2	Đánh giá các động của Hiệp định CPTPP đến vấn đề lao động, việc làm, xã hội... và đề xuất các giải pháp để có thể thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trên địa bàn Thành phố.	Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm
5.3	Xây dựng và ban hành các kế hoạch, chương trình về công tác lao động, việc làm; Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; hoàn thành chỉ tiêu giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị	Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm